

QUY TẮC AN TOÀN TRONG NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP VẬT LÝ

Câu 1: Điền khuyết các từ khóa thích hợp vào chỗ trống về quy tắc an toàn khi làm việc với phóng xạ:

Từ khóa: *khoảng cách, thời gian, cơ quan trọng yếu.*

- a. Giảm tiếp xúc với nguồn phóng xạ.
- b. Tăng từ ta đến nguồn phóng xạ.
- c. Đảm bảo che chắn những của cơ thể.

Câu 2: Điền khuyết các từ khóa thích hợp vào chỗ trống về quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm:

Từ khóa: *dụng cụ thí nghiệm, kí hiệu, hiệu điện thế định mức, hướng dẫn sử dụng, gọn gàng, chỉ dẫn, được sự cho phép, nước, tắt công tắc nguồn, nhiệt độ cao.*

- a. Đọc kĩ thiết bị và quan sát các, cáctrên các thiết bị thí nghiệm.
- b. Kiểm tra cẩn thậntrước khi sử dụng.
- c. Chỉ tiến hành thí nghiệm khicủa giáo viên hướng dẫn thí nghiệm.
- d. thiết bị điện trước khi cắm hoặc tháo thiết bị điện.
- e. Chỉ cắm phích/giắc cắm của thiết bị điện vào ổ cắm khi hiệu điện thế của nguồn điện tương ứng vớicủa dụng cụ.

- f. Phải bố trí dây điện, không bị vướng khi qua lại
- g. Không tiếp xúc trực tiếp với các vật và các thiết bị thí nghiệm có khi không có dụng cụ bảo hộ.
- h. Không đểcũng như các dung dịch dẫn điện, dung dịch dễ cháy gần thiết bị điện.
- i. Giữkhi tiến hành thí nghiệm nung nóng các vật, thí nghiệm có các vật bắn ra, tia laser.
- k. Phải vệ sinh, sắp xếp gọn gàng, các thiết bị và dụng cụ thí nghiệm, bỏ chất thải thí nghiệm vàosau khi tiến hành thí nghiệm.

Câu 3: Hãy nối những kí hiệu ở cột A với những ý nghĩa tương ứng ở cột B

Kí hiệu	Mô tả
❶ DC hoặc dấu -	a. Nhiệt độ cao
❷ AC hoặc dấu ~	b. Chất dễ cháy
❸ Input (I)	c. Kính bảo vệ mắt khỏi những hóa chất độc hại và đảm bảo thị lực của người trong phòng TN.
❹ Output	d. Lối thoát hiểm
❺ 	e. Cần đeo mặt nạ phòng độc
❻ 	f. Đầu vào
❼ 	g. Đầu ra
❽ 	h. Cảnh báo tia laser

9		i. Nơi có chất phóng xạ
10		k. Dòng điện 1 chiều
11		l. Từ trường
12		m. Bình khí nén áp suất cao
13		n. Chất độc môi trường
14		o. Dòng điện xoay chiều

Câu 4: Hãy nối những kí hiệu ở cột A với những ý nghĩa tương ứng ở cột B

Kí hiệu	Mô tả
1 “+” hoặc màu đỏ	a. Chất ăn mòn
2 “-” hoặc màu xanh	b. Cực dương
3 	c. Nơi nguy hiểm về điện
4 	d. Bao tay chống hóa chất, chống khuẩn
5 	e. Đồ bảo hộ cơ thể, chống hóa chất, chống nước
6 	f. Chất độc sức khỏe
7 	g. Cực âm
8 	h. Nơi cấm lửa

9		i. Không được phép bỏ vào thùng rác.
10		k. Dụng cụ dễ vỡ
11		l. Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp
12		m. Dụng cụ đặt đứng
13		n. Cảnh báo vật sắc, nhọn
14		o. Lưu ý cẩn thận